

Bản án số: **121/2022/HS-PT**

Ngày: 28-3-2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Quốc Cường**

Ông **Mai Xuân Thành**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Thanh** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2022/TLPT-HS ngày 18 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo: **Nguyễn Văn Đ** về tội “Giết người”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 102/2021/HS-ST ngày 16-12-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Họ và tên: **NGUYỄN VĂN Đ**; Sinh ngày 19/9/1981, tại tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: Nguyễn M (đã chết) và bà: Lương Thị G, sinh năm 1955; Bị cáo có vợ là Phạm Thị T, sinh năm 1988 (đã ly hôn từ tháng 12/2020) và có 02 con sinh năm 2010 và 2012; Tiền sự, tiền án: Không;

Nhân thân: Năm 1998, bị Tòa án nhân dân thị xã X, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 03 tháng 11 ngày tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” tại Bản án số 48/HSST ngày 30/9/1998 (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/9/2021, hiện đang giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk, bị cáo vắng mặt do nhiễm covid.

* *Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của Tòa án:* Luật sư Vũ Trọng T – Văn phòng luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk;

có mặt.

* *Bị hại:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn 13, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại: Luật sư Nguyễn Đình B – Văn phòng luật sư Đình Bảo; Địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn Đ và chị Phạm Thị T trước đây là vợ chồng và cùng cư trú tại thôn 13, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn nên chị T có ý định ly hôn với Đ. Khoảng 09 giờ ngày 22/9/2020, sau khi chị T đi làm về đến nhà thì Đ đến nói chuyện với chị T về chuyện ly hôn. Đ nghi ngờ chị T có tình cảm với người đàn ông khác nên giữa chị T và Đ xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Lúc này chị T đang đứng ở cửa phía sau nhà và quay lưng lại với Đ, thì Đ đi đến nhặt một khúc gỗ có kích thước (14,8 x 8 x 5)cm ở dưới nền nhà lên rồi đập mạnh một cái vào sau gáy của chị T làm chị T bị choáng. Sau đó, Đ bỏ khúc gỗ xuống rồi dùng hai tay vật chị T xuống nền nhà của phòng bếp. Bị đánh bất ngờ, chị T la hét kêu cứu, thấy vậy Đ tiếp tục dùng hai tay bóp cổ không cho chị T kêu la, đồng thời Đ cầm khúc gỗ đập liên tiếp nhiều cái vào vùng đầu, mặt của chị T. Lúc này anh Mai Văn Nhưng đi ngang qua nhà Đ thì nghe tiếng kêu cứu của chị T nên đi vào nhà và đứng trước cửa chính để khuyên can Đ. Thấy vậy, Đ thả chị T ra, đồng thời đi ra đuổi anh Nhưng về. Lợi dụng lúc Đ sơ hở, chị T đã vùng dậy và bỏ chạy ra khỏi nhà bằng cửa phía sau, Đ thấy vậy liền quay lại đuổi theo. Khi chạy đến bên hông nhà thì Đ đuổi kịp chị T và tiếp tục đè lên người chị T, đồng thời dùng hai tay bóp cổ và dùng khúc gỗ đánh nhiều cái vào đầu chị T cho đến khi thấy chị T không cử động được nữa. Lúc này có ông Phan Sỹ Tâm và chị Phan Thị Hương là hàng xóm chạy vào can ngăn nên Đ dừng lại không đánh chị T nữa. Chị T sau đó được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 1037/TgT-TTPY ngày 01/10/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk đối với chị Phạm Thị T đã kết luận:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương đang làm sẹo vùng trán trái, trên cung mày trái 3cm, kích thước 2cm x 1cm.
- Vết thương đang làm sẹo vùng trán đỉnh trái (vùng không có tóc che) kích thước 1,5cm x 1,5cm.
- Vết thương đang làm sẹo đuôi mắt trái, kích thước 2cm x 0,3cm.
- Vết trầy da gò má phải đang làm sẹo, kích thước 2cm x 0,3cm.
- Vết thương đỉnh phải đang làm sẹo chưa cắt chỉ, kích thước 5cm x 0,2cm.

- Vết thương thái dương phải đang làm sẹo, chưa cắt tóc, trên tai phải 5cm, kích thước 3cm x 0,2cm.

- Vết thương đang làm sẹo vùng thái dương chằm phải, chưa cắt chỉ, kích thước 3,5cm x 0,2cm.

- Vết thương đang làm sẹo vùng chằm phải, chưa cắt chỉ, kích thước 3cm x 0,2cm.

- Vết thương đang làm sẹo vùng chằm trái, chưa cắt chỉ, kích thước 3cm x 0,2cm.

- Vết thương đang làm sẹo vùng đỉnh trái, chưa cắt chỉ, kích thước 3,5cm x 0,2cm.

- Hai (02) vết thương thái dương trái đang làm sẹo chưa cắt chỉ, kích thước 3cm x 0,2cm và 2cm x 0,2cm.

- Gãy ngang thân răng R21.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại: **20%** (Hai mươi phần trăm).

3. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do từng thương tích gây nên hiện tại là:

- Vết thương đang làm sẹo vùng trán trái, trên cung mày trái 3cm, kích thước 2cm x 1cm, tỷ lệ 3%.

- Vết thương đang làm sẹo vùng trán đỉnh trái (vùng không có tóc che) kích thước 1,5cm x 1,5cm, tỷ lệ 3%.

- Vết thương đang làm sẹo đuôi mắt trái, kích thước 2cm x 0,3cm, tỷ lệ 3%.

- Vết trầy da gò má phải đang làm sẹo, kích thước 2cm x 0,3cm, tỷ lệ 3%.

- Vết thương đỉnh phải đang làm sẹo chưa cắt chỉ, kích thước 5cm x 0,2cm, tỷ lệ 1%.

- Vết thương thái dương phải đang làm sẹo, chưa cắt tóc, trên tai phải 5cm, kích thước 3cm x 0,2cm, tỷ lệ 1%.

- Vết thương đang làm sẹo vùng thái dương chằm phải, chưa cắt chỉ, kích thước 3,5cm x 0,2cm, tỷ lệ 1%.

- Vết thương đang làm sẹo vùng chằm phải, chưa cắt chỉ, kích thước 3cm x 0,2cm, tỷ lệ 1%.

- Vết thương đang làm sẹo vùng chằm trái, chưa cắt chỉ, kích thước 3cm x 0,2cm, tỷ lệ 1%.

- Vết thương đang làm sẹo vùng đỉnh trái, chưa cắt chỉ, kích thước 3,5cm x 0,2cm, tỷ lệ 1%.

- Hai (02) vết thương thái dương trái đang làm sẹo chưa cắt chỉ:

+ Vết nằm chéo, cách tai trái 5cm, kích thước 3cm x 0,2cm, tỷ lệ 1%.

+ Vết nằm dọc, kích thước 2cm x 0,2cm, tỷ lệ 1%.

- Gãy ngang thân răng R21, tỷ lệ 2%.

4. Vật tác động: Vật tày có cạnh”.

Tại công văn số 108/CV-TTPY ngày 17/5/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích của chị Phạm Thị T được thực hiện theo Điều 4 Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 về quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể trong giám định pháp y của Bộ Y tế.

Tại Bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ (bổ sung) số 1025/GĐHS ngày 04/10/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk đối với chị Phạm Thị T đã kết luận:

“2. Kết luận theo nội dung trung cầu:

- Vật tác động và cơ chế hình thành thương tích:

+ Vết thương làm sẹo vùng trán trái, trên cung mày trái 3cm do vật tày cứng, có cạnh tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau, từ trái qua phải.

+ Vết thương làm sẹo vùng trán đỉnh trái, do vật tày cứng, có cạnh tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau, từ trái qua phải.

+ Vết thương làm sẹo đuôi mắt trái, do vật tày cứng, có cạnh tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau, từ trái qua phải.

+ Vết trầy da gò má phải làm sẹo, kích thước 2cm x 0,3cm, do vật tày cứng, có cạnh tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau, từ phải qua trái.

+ Vết thương đỉnh phải làm sẹo do vật tày cứng, có cạnh tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau, từ phải qua trái.

+ Vết thương thái dương phải làm sẹo, trên tai phải 5cm do vật tày cứng, có cạnh tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau, từ phải qua trái.

+ Vết thương làm sẹo vùng thái dương chằm phải do vật tày cứng, có cạnh tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ sau ra trước, từ phải qua trái.

+ Vết thương làm sẹo vùng chằm phải do vật tày cứng, có cạnh tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ sau ra trước.

+ Vết thương làm sẹo vùng chằm trái do vật tày cứng, có cạnh tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ sau ra trước.

+ Vết thương làm sẹo vùng đỉnh trái do vật tày cứng, có cạnh tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau, từ trái qua phải.

+ Hai (02) vết thương thái dương trái làm sẹo do vật tày cứng, có cạnh tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau, từ trái qua phải.

+ Gãy ngang thân răng R21, do vật tày cứng, có cạnh tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau”.

Quá trình khám nghiệm hiện trường tại nơi xảy ra sự việc không thu giữ dấu vết, tài liệu và mẫu vật gì. Ngày 24/9/2020, bị cáo Nguyễn Văn Đ đã giao nộp cho Công an xã K, huyện K 01 khúc gỗ có màu nâu đen, kích thước (14,8 x 8 x 5)cm là vật chứng của vụ án.

Tại Bản kết luận giám định vật gây thương tích số 1024/VGTT ngày 04/10/2021 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk đã kết luận: “Mẫu vật gửi giám định: (01) khối gỗ cứng có dạng hình hộp chữ nhật màu nâu đen bám dính nhiều chất bẩn, có cạnh dài 14,8cm, cạnh rộng 8cm, chiều cao 5cm. Khối gỗ có 6 mặt (hai mặt lớn và bốn mặt nhỏ hơn) và 12 cạnh (các mặt phẳng và các cạnh đều vuông góc với nhau)...là một vật tày cứng, có cạnh mà Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk đã gửi đến Trung tâm Pháp y Đắk Lắk để giám định thì có khả năng gây ra các tổn thương: Vết thương làm sẹo vùng trán trái...Gãy ngang thân răng R2) như trên cơ thể của Phạm Thị T”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 102/2021/HS-ST ngày 16-12-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

[1] Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “*Giết người*”.

[2] Về hình phạt:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 15; khoản 1, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ **13 (Mười ba) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 01/9/2021.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 590 và 591 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải bồi thường cho bị hại chị Phạm Thị T tổng số tiền là 104.158.000 đồng (*Một trăm lẻ bốn triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng*), được khấu trừ số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*) đã bồi thường do anh Nguyễn Văn Thanh nộp theo Biên lai thu tiền số 60AA/2021/0003895 ngày 15/12/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường 96.158.000 đồng (*Chín mươi sáu triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

Chị Phạm Thị T được nhận số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra bản án còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 29-12-2021 bị cáo Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt

Ngày 21-12-2021 bị hại Phạm Thị T có đơn kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt và tăng trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị kháng định Toà án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng pháp luật, kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của người bị hại không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt vì xuất phát nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, sau khi phạm tội bị cáo chủ động đưa bị hại đi cấp cứu; không đồng ý với kháng cáo của bị hại.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bị hại, tăng hình phạt đối với bị cáo và tăng mức bồi thường dân sự cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, xem xét ý kiến của Luật sư và quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn Đ vắng mặt do nhiễm covid, tuy nhiên quá trình điều tra giải quyết vụ án, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, chỉ kháng cáo xin giảm hình phạt. Hội đồng xét xử thấy việc vắng mặt của bị cáo không trở ngại cho việc xét xử, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự. Người bị hại chị Phạm Thị T có kháng cáo có mặt tại phiên tòa giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo và yêu cầu tăng mức bồi thường.

[2] Quá trình điều tra giải quyết vụ án, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và lời khai của bị hại, những người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 09 giờ ngày 22/9/2020 tại thôn 13, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, do mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng nên bị cáo Nguyễn Văn Đ đã dùng một khúc gỗ có kích thước (14,8 x 8 x 5)cm, trọng lượng 0,7kg đánh liên tục vào vùng đầu là vùng trọng yếu trên cơ thể và dùng hai tay bóp cổ chị Phạm Thị T; khi chị T bỏ chạy, bị cáo tiếp tục đuổi theo và dè người chị T xuống đất, dùng khúc gỗ đánh vào đầu chị T nhiều cái nữa và dùng hai tay bóp cổ chị T cho đến khi chị T giả vờ không cử động được và có nhiều người can ngăn thì bị cáo mới dừng lại. Tuy, người bị hại không chết và chỉ bị tổn thương cơ thể 20% nhưng hành vi của bị cáo với thái độ côn đồ hung hãn, có khả năng dẫn đến chết người, khi người bị hại bỏ chạy thì bị cáo đuổi theo là thể

hiện sự quyết liệt, phạm tội đến cùng. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Giết người*” với tình tiết định khung “*Có tính chất côn đồ*”, được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn Đ và kháng cáo xin tăng hình phạt của bị hại Nguyễn Thị T, cấp phúc thẩm thấy rằng: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi để nhận thức được tính mạng, sức khỏe của con người được pháp luật đặc biệt quan tâm, bảo vệ, nhưng do ý thức coi thường pháp luật nên bị cáo đã dùng khúc gỗ là hung khí nguy hiểm đánh liên tiếp nhiều cái vào vùng đầu của bị hại, dùng hai tay bóp cổ của bị hại 02 lần kể cả khi có người can ngăn. Tuy bị cáo không mong muốn giết chết chị T nhưng bị cáo nhận thức được hành vi của mình có thể tước đoạt tính mạng của chị T nên cố ý thực hiện tội phạm đến cùng. Mặt khác, bị cáo có nhân thân không tốt. Bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng “*Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng*” quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, trước khi mở phiên tòa bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại một phần thiệt hại; phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt nên được xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 15; khoản 1, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự và Toà án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt 13 năm tù đối với bị cáo là tương xứng với tính chất hành vi, hậu quả của vụ án. Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không chấp nhận. Toà án cấp sơ thẩm xử bị cáo 13 năm tù là phù hợp như đã phân tích nên kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt của người bị hại không có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt

[4] Xét kháng cáo yêu cầu tăng bồi thường của bị hại Phạm Thị T, thấy rằng: Bị hại chị Phạm Thị T yêu cầu bị cáo bồi thường tổng cộng là 208.958.552 đồng, Toà án cấp sơ thẩm xem xét lại và chấp nhận các khoản thiệt hại, chi phí hợp lý và thực tế như sau:

- Chi phí điều trị (có hóa đơn) tại Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên: 700.552 đồng.
- Tiền thuê xe cấp cứu, chuyển viện và điều trị tại Bệnh viện đa khoa thị xã Buôn Hồ: 2.000.000 đồng;
- Tiền thuê xe xuất viện: 500.000 đồng;
- Tiền thuê xe đi tái khám: 500.000 đồng;
- Tiền mua thuốc theo đơn bác sỹ kê: 3.458.000 đồng;
- Chi phí làm răng (có hóa đơn): 30.000.000 đồng;
- Tiền thu nhập bị mất trong thời gian điều trị tại Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên (từ ngày 22/9/2020 đến 29/9/2020): 08 ngày x 200.000 đồng/ ngày = 1.600.000 đồng;
- Tiền thu nhập bị mất trong thời gian hồi phục sức khỏe: 03 tháng x 200.000 đồng/ ngày = 18.000.000 đồng;

- Tiền công 01 người chăm sóc trong thời gian điều trị: 08 ngày x 200.000 đồng/ ngày = 1.600.000 đồng;

- Tiền công 01 người chăm sóc trong thời gian hồi phục: 01 tháng x 200.000 đồng/ ngày = 6.000.000 đồng;

- Tiền bồi dưỡng sức khỏe: 10.000.000 đồng;

- Tiền bồi thường tổn thất tinh thần: 20 tháng lương cơ sở x 1.490.000 đồng = 29.800.000 đồng;

Tổng cộng bị cáo Nguyễn Văn Đ phải bồi thường cho bị hại Phạm Thị T số tiền là 104.158.000 đồng. Trước khi mở phiên tòa, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 8.000.000 đồng do anh Nguyễn Văn Thanh nộp theo Biên lai thu tiền số 60AA/2021/0003895 ngày 15/12/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk nên được khấu trừ, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường 96.158.000 đồng là có căn cứ và đúng pháp luật. Kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường của bị hại Nguyễn Thị T không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Từ những vấn đề phân tích, lập luận trên thấy rằng Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án có căn cứ và đúng pháp luật, hình phạt áp dụng đối với bị cáo là thỏa đáng, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại với tổng số tiền 104.158.000 đồng là phù hợp. Kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo và kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt và tăng mức bồi thường của bị hại là không có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm hình sự: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH về án phí, lệ phí Toà án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Đ và kháng cáo của bị hại Phạm Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 15; khoản 1, khoản 3 Điều 57; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ **13 (Mười ba) năm tù**, về tội “Giết người” thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 01/9/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 590 và 591 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải bồi thường cho bị hại chị Phạm Thị T tổng số tiền là 104.158.000 đồng (*Một trăm lẻ bốn triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng*), được khấu trừ số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*) đã bồi thường do

anh Nguyễn Văn Thanh nộp theo Biên lai thu tiền số 60AA/2021/0003895 ngày 15/12/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường 96.158.000 đồng (*Chín mươi sáu triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

Chị Phạm Thị T được nhận số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000 đồng tiền án phí phúc thẩm hình sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS – Công an huyện K;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSPA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Cường